

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2022/DS-PT

Ngày: 26-12-2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đòi quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Kim Em**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Quốc Nam** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Ngọc Thư Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 21, 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Đòi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 328/2022/QĐPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: **Huỳnh Quốc K**, sinh năm: 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

**Trần Anh D**, sinh năm 1959

Địa chỉ: số 9 đường số 1, cư xá Đ, Phường 4, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Đường tỉnh 864 (cầu Cái Sơn) ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền

Giang.

\* Bị đơn: **Huỳnh Văn G**, sinh năm 1964; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: bà Phạm Thị Kim T - luật sư văn phòng luật sư Phạm Thị Kim T thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Huỳnh Quốc K, sinh năm: 1988 (Có mặt).

- Huỳnh Minh V, sinh năm: 1986 (Có mặt).

- Bà Trần Thị H, sinh năm: 1958 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 065 Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Tăng Thị Kim P, sinh năm: 1963 (Xin vắng mặt)

- Huỳnh Thị Cẩm D, sinh năm: 1995 (Xin vắng mặt)

- Huỳnh Thị Cẩm L, sinh năm: 1988. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Huỳnh Văn Gàng, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

\* *Người kháng cáo:* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Quốc K, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm;*

\* *Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền nguyên đơn là anh Huỳnh Quốc K trình bày:* Vào năm 2007 cha anh có cho ông G là em ruột của mình ở nhờ trên phần đất có diện tích là 72 m<sup>2</sup> (ngang 06m, dài 12m) phần đất này hiện nằm kế bên hông nhà cha mẹ anh trên thửa đất số 2354, TĐĐ 01 có diện tích 1.599 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện G cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007. Nhưng sau đó ông G xây nhà và các công trình khác lấn ra phần đất cho ở nhờ với diện tích lấn ngày càng nhiều. Nay nguyên đơn yêu cầu ông G và các thành viên trong gia đình tháo dỡ di dời phần tài sản trả lại đất cho gia đình ông T. (Qua đo đạc thực tế phần đất yêu cầu ông G trả lại là 779,9 m<sup>2</sup>).

Đối với yêu cầu phản tố của ông G phía nguyên đơn không đồng ý vì phần đất này hộ gia đình nguyên đơn không có chuyển nhượng hay tặng cho gì đối với phía ông G. Phần đất đang tranh chấp này đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận hợp pháp cho hộ gia đình ông Huỳnh Văn T nên không đồng ý công nhận hay tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông G.

*\* Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn ông Huỳnh Văn G trình bày:* Phần đất tranh chấp là ông mua của vợ chồng ông Huỳnh Văn T vào năm 2007 với diện tích khoảng 660 m<sup>2</sup> (Qua đo đạc thực tế là 779,9 m<sup>2</sup>) với giá là 34.000.000 đồng (Giá thỏa thuận là 50.000.000 đồng/công), đưa tiền làm 02 lần (lần 1: đưa 20.000.000 đồng, lần 02 đưa 14.000.000 đồng) và có thỏa thuận khi nào làm giấy tờ đo lại chính xác thì tính tiếp. Sau khi nhận chuyển nhượng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T đang thế chấp trong ngân hàng nên vì tình nghĩa anh em ông chưa làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc nhận chuyển nhượng đất và giao tiền không làm giấy tờ gì chỉ có các anh em trong nhà và công an ấp tên Nguyễn Văn Hoàng chứng kiến. Ngoài ra, chính ông T là người xây hàng rào xác định ranh giới phần đất ông đã mua. Nay với yêu cầu khởi kiện của ông T ông không đồng ý trả đất vì đây là đất ông nhận chuyển nhượng chứ không phải ở nhờ. Ngoài ra ông có yêu cầu phản tố yêu cầu hộ ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông đang sử dụng diện tích qua đo đạc thực tế là 779,9 m<sup>2</sup> (loại đất cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 2354, TBĐ 01 có diện tích 1.599 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện G cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007 và ông sẽ trả lại cho hộ ông T số tiền còn nợ là phần diện tích đất dư ra khi hộ ông T làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông.

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Quốc K, anh Huỳnh Quốc V cùng trình bày:* Hai anh cùng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T yêu cầu hộ ông G di dời tài sản trả lại đất cho gia đình. Đối với yêu cầu phản tố của ông G hai anh không đồng ý vì đây là phần đất cha hai anh cho hộ ông G xây nhà để ở nhờ trên diện tích 72 m<sup>2</sup> chứ không có mua bán gì với ông G. Phía ông G cho rằng hàng rào là do cha hai anh xây dựng để xác định ranh là không đúng, gia đình chỉ xây hàng rào bên hông nhà để không cho gà vịt của nhà ông G qua bới đất, còn 03 mặt còn lại là do ông G tự xây dựng.

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của ông Huỳnh Văn T.*

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Tăng Thị Kim P, chị Huỳnh Thị Cẩm D, chị Huỳnh Thị Cẩm L cùng trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G.*

*\* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Gàng trình bày: Việc ông T kiện ông G ông không có ý kiến gì. Riêng về phần ranh đất đang tranh chấp giữa ông và ông T sau này ông và ông T khởi kiện bằng vụ án khác.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 203/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào: Điều 166, 500, 579 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G và các thành viên tháo dỡ, di dời phần tài sản trả lại đất diện tích là 779,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2354, TĐĐ 01 có diện tích 1.599 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện GCD cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G.

Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Trần Thị H, anh Huỳnh Quốc V, anh Huỳnh Quốc K cùng có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 779,9 m<sup>2</sup> (loại đất cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 2354, TĐĐ 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện G cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

- + Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn T.
- + Hướng Tây giáp kênh Hai Hoàn
- + Hướng Nam giáp đường bê tông.
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của ông Huỳnh Văn T.

(Có sơ đồ kèm theo)

3/ Ông Huỳnh Văn G và bà Tăng Thị Kim P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4/ Buộc ông Huỳnh Văn G và bà Tăng Thị Kim P cùng có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T, bà Trần Thị H, anh Huỳnh Quốc V, anh Huỳnh Quốc K số tiền 79.920.000 đồng (Bảy mươi chín triệu chín trăm hai chục ngàn đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

**Ngày 12/9/2022**, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Quốc K có đơn kháng cáo bản án số 203/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tổ tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 72/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Việc chuyển nhượng đất và giao tiền giữa ông T và ông G có anh em trong gia đình và ông Hoàng công an áp chứng kiến, ông T làm hàng rào phân ranh từ năm 2011 đến nay, ông G cất nhà và trồng cỏ chăn nuôi trên diện tích đất 779,9m<sup>2</sup> gia đình ông T cùng ở trên thửa đất này không ai phản đối nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của nguyên đơn còn trong thời hạn luật định, đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và đòi quyền sử dụng đất” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có người đại diện theo ủy quyền, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng đúng theo qui định tại Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn đồng ý để cho ông G tiếp tục ở diện tích 150m<sup>2</sup> nhưng trả lại ông giá trị là 120.000.000 đồng, diện tích còn lại trả lại cho ông Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Huỳnh Văn T có thửa đất 2354, tờ bản đồ số 01 có diện tích là 1.599m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện G cấp cho ông Huỳnh Văn T đại diện hộ đứng tên ngày 02/10/2007 đất tại ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông T cho rằng năm 2007 ông có cho ông T Văn G (là em ruột) cất nhà ở nhờ phần đất trên diện tích 72m<sup>2</sup> (ngang 06 dài 12) căn nhà ông G nằm liền kề nhà ông. Ông G xây nhà và các công trình phụ lấn qua phần đất của ông ngày càng nhiều. Nay qua đo đạc thực tế là 779,9m<sup>2</sup> ông yêu cầu ông G và các thành viên trong hộ gia đình tháo dỡ nhà trả đất. Ông G có đơn yêu cầu phản tố cho rằng năm 2007 ông T có chuyển nhượng cho ông diện tích 660m<sup>2</sup> giá là 34.000.000 đồng (giá 50.000.000 đồng/1000m<sup>2</sup>) hai bên thỏa thuận miệng không làm giấy tờ, ông chồng tiền cho ông T (02 hai lần) có chị em trong gia đình và ông Hoàng (thời điểm này là công an ấp chứng kiến) ông T đã giao đất cho ông sử dụng cất nhà kiên cố và ông T đã làm hàng rào ranh giới giữa hai phần đất, thỏa thuận khi nào làm thủ tục sang tên thì đo đạc lại diện tích cụ thể, qua đo đạc thực tế có diện tích là 779,9m<sup>2</sup>. Nay ông T yêu cầu ông dỡ nhà trả đất ông không đồng ý, ông G yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông và hộ ông T đối với diện tích thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T chấp nhận yêu cầu phản tố của ông G.

Ông T kháng cáo cho rằng ông chỉ cho ông G cất nhà ở nhờ diện tích 72m<sup>2</sup> nhưng ông T không cung cấp giấy tờ chứng cứ gì chứng minh. Nhưng thực tế hiện nay ông G đã cất nhà kiên cố diện tích đất khoảng là 150m<sup>2</sup> và quản lý diện tích đất 779,9m<sup>2</sup> từ năm 2007 đến nay, gia đình ông T cũng ở trên phần đất này cũng không ai phản đối, ông T là người làm hàng rào phân ranh giữa hai phần đất. Nên ông T cho rằng cho ông G ở nhờ diện tích 72m<sup>2</sup> là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

[4.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn T Văn G yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông T và ông G đối với diện tích thực tế là 779,9m<sup>2</sup>. Mặc dù việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G và hộ ông T không làm hợp đồng là vi phạm về mặt hình thức nhưng thực tế hộ ông T đã giao đất cho ông G quản lý ở và cất ở từ năm 2007. Việc thỏa thuận chuyển

nhượng giao đất và giao tiền có sự chứng kiến của các anh chị em trong gia đình và ông Nguyễn Văn Hoàng công an ấp B, xã T, huyện G chứng kiến. Do đó có căn cứ xác định diện tích đất 779,9m<sup>2</sup> hiện ông G quản lý là do hộ ông T chuyển nhượng năm 2007. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông G là có căn cứ phù hợp điều 129 Bộ luật dân sự 2015.

Việc ông G cho rằng thời điểm năm 2007 ông T chuyển nhượng giá 50.000.000 đồng/1000m<sup>2</sup> ông G trả cho ông T là 34.000.000 đồng tương đương diện tích đất 680m<sup>2</sup> hai bên chưa đo đạc. Nhưng diện tích đất ông G sử dụng thực tế có hàng rào là 779,9m<sup>2</sup> dư ra diện tích chuyển nhượng là 99,9m<sup>2</sup> giá hiện nay là 800.000 đồng /m<sup>2</sup> thành tiền là 79.920.000 đồng cần buộc ông G, bà P hoàn trả số tiền này cho hộ ông T là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án dân sự số: 203/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G.

Về án phí: Do ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 166, 500, 579 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 129, 147, 227, 228, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

**Xử:** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn T.

Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số: 203/2022/DS-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn G và các thành viên tháo dỡ, di dời phần tài sản trả lại đất diện tích là 779,9 m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 2354, TĐĐ 01 có diện tích 1.599 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện GCD cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007.

2/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn G.

Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Trần Thị H, anh Huỳnh Quốc V, anh Huỳnh Quốc K cùng có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 779,9 m<sup>2</sup> (loại đất cây hàng năm khác) thuộc thửa đất số 2354, TĐĐ 01 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00497/BL2 do UBND huyện G cấp hộ Huỳnh Văn T ngày 02/10/2007. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Phần đất có các bên tiếp giáp như sau:

- + Hướng Đông giáp đất ông Huỳnh Văn T.
- + Hướng Tây giáp kênh Hai Hoàn
- + Hướng Nam giáp đường bê tông.
- + Hướng Bắc giáp phần đất còn lại của ông Huỳnh Văn T.

(Có sơ đồ kèm theo)

3/ Ông Huỳnh Văn G và bà Tăng Thị Kim P được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4/ Buộc ông Huỳnh Văn G và bà Tăng Thị Kim P cùng có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn T, bà Trần Thị H, anh Huỳnh Quốc V, anh Huỳnh Quốc K số tiền 79.920.000 đồng (Bảy mươi chín triệu chín trăm hai chục ngàn đồng) thời gian trả khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 ngày 26/12/2022 có mặt ông G, ông D, Kiểm sát viên.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC.THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Em**